TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
KHOA HÓA SINH

Yêu cầu báo giá hóa chất, vật tư cho khoa Hóa sinh năm 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp hóa chất tại Việt Nam

Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá đề xuất nhu cầu dịch vụ làm cơ sở mua hóa chất năm 2026 của khoa Hóa sinh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, Địa chỉ: Phố Hải Phúc, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: KS. Phạm Thị Mỹ Ngân – Nhân viên Khoa Hóa sinh, số điện thoại: 034.9563.758, email: phamngan189@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá gửi bản scan (theo mẫu và nội dung theo phụ lục II) về địa chỉ email: khoahoasinhksbtqn@gmail.com, đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về địa chỉ tiếp nhận: Khoa Hóa sinh – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 22 tháng 05 năm 2026 đến ngày 15 tháng 06 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Kính mời Các nhà cung cấp quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ với nội dung chi tiết tại phụ lục I của công văn này.

Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TCHC (để đăng tải);
- Lưu: Hóa sinh.

TRƯỞNG KHOA

Hoàng Thị Phượng

PHỤ LỤC I
Danh mục hóa chất, vật tư cho khoa Hóa sinh năm 2026
(Kèm theo công văn ngày 22/05/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hóa chất, vật tư	Đặc tính kỹ thuật chính	Quy cách đóng gói	ĐVT	Địa điểm thực hiện dịch vụ
1	Ammonium format ($HCOONH_4$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	20g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
2	Dung dịch chuẩn hỗn hợp 06 chất:2,4D;MCPA;Dichlorprop; Mecoprop; 2,4-DB;Fenoprop	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 100µg/ml in Acetone	1mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
3	Dung dịch chuẩn hỗn hợp 02 chất: Carbofuran, Aldicarb [Phụ lục IV]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 100µg/ml in Acetone	1mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
4	Chuẩn Flouride (F^-) [Phụ lục IV/ STT 123]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng 1000mg/L	100mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
5	Chuẩn sunfat (SO_4^{2-})	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L	500mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
6	Chuẩn chloramphenicol	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	250mg/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
7	Chuẩn Aflatoxin B1, B2, G1, G2	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đươngNồng độ B1, G1: 2000µg/LB2; G2: µg/L	5mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
8	Chuẩn Kali sorbat ($C_6H_7KO_2$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	250mg/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
9	Chuẩn Sodium benzoat ($C_7H_5NaO_2$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	250mg/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
10	Chuẩn saccarin ($C_7H_5NO_3S$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	200g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
11	Chuẩn apartame ($C_{14}H_{18}N_2O_5$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	200g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
12	Chuẩn phosphat (PO_4^{3-})	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L	100mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
13	Chuẩn Nitrat (NO_3^-)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L	500mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

14	Potassium antimony tartrate hemihydrate [$K(SbO)C_4H_4O_6.1/2H_2O$]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
15	Ống chuẩn axit oxalic ($H_2C_2O_4$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 0,1N	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
16	Chuẩn Kalipemanganate [Phụ luc III/STT 14]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 0,1N	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
17	Axit sulphuric (H_2SO_4) [phụ luc III]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 98%	1L/Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
18	Axit photphoric (H_3PO_4) [phụ luc II]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 85%	1L/Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
19	Axit ascobic ($C_6H_8O_6$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
20	D-Glucose ($C_6H_{12}O_6$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	10g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
21	L-Glutamic ($C_5H_9NO_4$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	10g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
22	Viên mồi BOD	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	50 viên/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
23	Dung dịch pH chuẩn 4	4.01 ± 0.01 (ở 25°C)	500mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
24	Dung dịch pH chuẩn 7	7.00 ± 0.01 (ở 25°C)	500mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
25	Dung dịch chuẩn pH chuẩn 10	10.01 ± 0.01 (ở 25°C)	500mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
26	Dung dịch chuẩn độ đục HI93703-0 (0 FTU)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	30mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
27	Dung dịch chuẩn độ đục HI93703-10 (10 FTU)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	30mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
28	Dung dịch chuẩn độ đục HI93703-05 (500 FTU)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	30mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
29	Kali đicromat ($K_2Cr_2O_7$) [Phụ lục III/ STT 38]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
30	Amoni sắt(II) sunfat hexahydrat $(NH_4)_2Fe(SO_4)2.6H_2O$	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	50g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

31	Kali hexaxyanoferrat(II) trihydrat $K_4[Fe(CN)_6].3H_2O$ [Phụ lục IV/ STT 265]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	50g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
32	Kẽm sunfat heptahydrat $ZnSO_4.7H_2O$	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
33	Allylthiourea ($C_4H_8N_2S$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	5g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
34	canxi clorua khan ($CaCl_2$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
35	Kali iodua (Kl)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	250g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
36	Sodium sulfate (Na_2SO_4)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1Kg/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
37	EDTA dihydrat ($Na_2EDTA.2H_2O$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
38	Fomaldehyt (HCHO) [phụ luc IV/ STT 112]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
39	Natri sunfit khan (Na_2SO_3)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
40	Giấy lọc không tro	FT-3-105-110 (22-008) Đức	50 cái/Hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
41	Giấy lọc (dùng cho chỉ tiêu cặn lơ lửng)	CAT No.1827-047 (17097399) Whatman	100 Cái/Hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
42	Aluminum chloride ($AlCl_3$) [Phụ lục II]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	250g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
43	Kẽm acetat $Zn(CH_3COO)_2$	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ		Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
44	N,N-dimethyl-p-phenylenediamine oxalate $[(CH_3)_2NC_6H_4NH_2]_2.H_2C_2O_4$	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	25g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
45	kali permanganat (KMnO4) [phụ lục III]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	20g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
46	Potassium chromate (K_2CrO_4) [Phụ lục III/ STT 38]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 10%	100ml/lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

47	dinatri magiê EDTA ($C_{10}H_{12}N_2O_8Na_2Mg$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	50g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
48	Chuẩn Specific Conductance TDS 692ppm	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	10 gói/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
49	Natri salixylat ($C_7H_5O_3Na$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1000g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
50	Trinatri xytrat ($C_6H_5O_7Na_3$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1000g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
51	Natri dichloroisocyanurate ($C_3N_3O_3Cl_2Na$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
52	Kali iodat (KIO_3)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	5g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
53	N,N-dietyl-1,4 phenylendiamin sunfat (DPD) ($C_{10}H_{16}N_2 \cdot H_2SO_4$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	10g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
54	Natri cacbonat (Na_2CO_3)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	1000g/hộp	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
55	Chỉ thị Eriocrom T đen(natri của axit 1 (1-hydroxy-2-naphtylazo)_6-nitro-2-naphtol-4-sunfonic ($C_{20}H_{12}N_3O_7SNa$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	5g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
56	Acetylacetone ($C_5H_8O_2$) [Phụ lục II]	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	50mL/Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
57	Thymolphtalein ($C_{28}H_{30}O_4$)	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
58	Methyl tert-butyl ether ($C_5H_{12}O$) [Phụ lục II/STT 107]	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	2,5L/Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
59	Natri sunfua Na_2S [Phụ lục II/ STT 664]	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	50g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
60	Dung dịch chuẩn gốc Mix VOCs	Nồng độ 2000 ug/mL Mã hàng hóa tham khảo DRE-GA09000154ME của hãng LGC	1,3mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

61	Dung dịch chuẩn gốc Mix phenol và các dẫn xuất của phenol[phụ lục II và III]	Nồng độ 100 mg/L cho từng chất bao gồm các chất: 4-Chloro-3-methylphenol , 20Chlorophenol, 2,4-Dichlorophenol, 2,4-Dimethylphenol, 2-Methyl-4,6-dinitrophenol, 2,4-Dinitrophenol, 2-Methylphenol, 2-Nitrophenol, 4-Nitrophenol, Pentachlorophenol, Phenol, 2,4,6-Trichlorophenol pha trong Methanol pha trong Methanol	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
62	Dung dịch chuẩn gốc Mix 9 chất nhóm thuốc bảo vệ thực vật [Phụ lục II và III]	Nồng độ 100 ug/mL cho từng chất bao gồm Alachlor, Atrazine, Simazine, Molinate, Trifluralin, Pendimethalin, Chlortoluron, Cyanazine, Isoproturon pha trong Methanol	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
63	Dung dịch chuẩn gốc Mix 14 chất nhóm thuốc bảo vệ thực vật [Phụ lục III]	Nồng độ 10 ng/uL cho từng chất bao gồm alpha-HCH, Hexachlorobenzene, beta-HCH, gamma-HCH, Heptachlor, Aldrin, trans-Heptachlor-endo-epoxide (isomer A), alpha-Endosulfan, 4,4'-DDE, Dieldrin, Endrin, beta-Endosulfan, 4,4'-DDD, 2,4'-DDT, 4,4'-DDT, Methoxychlor pha trong Cyclohexane	10mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
64	Dung dịch chuẩn gốc Mix 15 chất nhóm thuốc bảo vệ thực vật	Nồng độ 200 ug/mL cho từng chất bao gồm: Bromophos-ethyl; Bromophos-methyl; Chlorfenvinphos; Chlorpyrifos; Diazinon; Dichlorvos; Dimethoate; Disulfoton; Ethion; Fenthion; Malathion; Mevinphos; Paraoxon-ethyl; Parathion; Parathion-methyl pha trong Acetone	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
65	Dung dịch chuẩn gốc Mix 118 nhóm thuốc bảo vệ thực vật [phụ lục II]	Nồng độ 10 ug/mL cho từng chất bao gồm: Tetramethrin, Phenothrin, Permethrin, Cyfluthrin, Cypermethrin, Fenvalerate, Deltamethrin pha trong Cyclohexane	10mL/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
66	Nội chuẩn 1,1-Dichloro-2,2-bis(4-chlorophenyl-d4)ethane 0,01g. [Phụ lục IV]	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	10mg/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

67	Dung dịch chuẩn gốc Mix hợp chất hữu cơ nhóm Acetonitrile	Nồng độ 100 mg/L cho từng chất bao gồm: Trichloroaxetonitril, Dichloroacetonitrile, Dibromoacetonitrile pha trong Acetone	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
68	Dung dịch chuẩn gốc Mix hợp chất hữu cơ nhóm Acetic acid [Phụ lục II]	Nồng độ 100 mg/L cho từng chất bao hồm: Monochloroacetic acid Dichloroacetic acid, Trichloroacetic acid pha trong Methanol	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
69	Dung dịch chuẩn gốc Pes_Nito Phospho [Phụ lục]	Nồng độ 100µg/mL cho từng chất bao gồm: Terbufos, Diazinon, Disulfuton, Fenamifos, Merphos, Carboxin pha trong Acetone	1 Ống/hộp	Hộp	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
70	Chuẩn Crom (Cr) [Phụ lục III/ STT 38]	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đươngNồng độ 1000mg/L in HNO_3 loãng (2-3% v/v)	100mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
71	Chuẩn Bo (B)	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L in HNO_3 loãng (2-3% v/v)	100mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
72	Chuẩn Molybden (Mo)	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L in HNO_3 loãng (2-3% v/v)	100mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
73	Chuẩn Natri (Na)	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đươngNồng độ 1000mg/L in HNO_3 loãng (2-3% v/v)	500mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
74	Chuẩn Kali (K)	Độ tinh khiết PA, tiêu chuẩn EU hoặc tương đươngNồng độ 1000mg/L in HNO_3 loãng (2-3% v/v)	100mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
75	Chuẩn Selen (Se)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L	100mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
76	Nội chuẩn Indium (In)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L	100mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
77	Chuẩn Vàng (Au)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L	100mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
78	Chuẩn phóng xạ 230Th	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương Mức hoạt độ từ 370Bq đếb 37kBq	5mL/Ống	Ống	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
79	Natri bicarbonat ($NaHCO_3$) [Phụ lục I/ STT 23]	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
80	Kali bicarbonat ($KHCO_3$)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

81	Amonimolybdat ($(NH_4)_6Mo_7O_{24}\cdot 4H_2O$)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	50g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
82	Acid tactric ($C_4H_6O_6$)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
83	O-Fenilendiamin ($C_6H_4(NH_2)_2$) [Phụ lục II/ STT 218]	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	25g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
84	Dung dịch Diacetyl ($C_4H_6O_2$) [Phụ lục II/ STT 98]	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	25mL/Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
85	Natri hyposulfit ($Na_2S_2O_3$)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
86	Paladi clorua ($PdCl_2$)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	1g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
87	Dung dịch Tune B (mã 1323770)Ba, Bi, Ce, Co, In, Li, U 1.0 µg/L in 2% NHO_3 + 0.5 % HCl	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	500mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
88	Dung dịch Calibration (mã 1323760) 25 elements 3-35 µg/L in 2% HNO_3	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	250mL/ Chai	Chai	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh
89	Canxi sulfat ($CaSO_4$)	Độ tinh khiết phân tích (PA) hoặc tương đương	100g/Lọ	Lọ	Tại địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

PHỤ LỤC II
Mẫu báo giá
(Kèm theo công văn ngày 22/05/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi….*[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cung cấp hóa chất như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ hóa chất.

STT	Tên hoá chất, hóa chất, vật tư	Đặc tính kỹ thuật chính	Quy cách đóng gói	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
...					
Tổng:					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: …. ngày, kể từ ngày … tháng … năm … *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày … tháng… năm*...[ghi ngày….tháng…năm… kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*. Giá trên đã bao gồm thuế và chi phí liên quan (nếu có)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

….., ngày…. tháng….năm….

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[(2)]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp

yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.